Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

Câu 01: Tại một DN SXKD-TM Việt Hàn có các tài liệu liên quan hoạt động của DN kế toán tập hợp như sau:

1. Trả trước tiền thuê văn phòng cho 6 tháng là 60.000.000 đồng bằng chuyển khoản, thuế GTGT là 10%, chi phí này phân bổ lần đầu ngay tháng này.

2. a) Nhận thông báo về khoản lợi nhuận được chia từ vốn góp liên doanh, số tiền 240.000.000 đồng.

b) Doanh nghiệp quyết định nhận 140.000.000 đồng lợi nhuận được chia bằng tiền mặt và 100.000.000 đ còn lại bổ sung vốn góp liên doanh.

3. Bán 1.000 USD để lấy tiền VND. Tỷ giá ghi sổ: 17.000 đ/USD. Tỷ giá thực tế khi thanh toán: 17.400 đ/USD.

4. Nhận được giấy báo Có của ngân hàng về khoản tiền khách hàng A chuyển khoản trả nợ 40.000.000 đồng

5. Chi tiền mặt thanh toán tiền quảng cáo 1.320.000 đồng, trong đó thuế VAT 120.000 đồng

6. Mua công cụ, dụng cụ nhập kho trả bằng TGNH, giá mua chưa có thuế là 4.000.000 đồng, thuế suất thuế GTGT 10%. DN đã nhận được giấy báo Nợ của ngân hàng.

7. Nhận được giấy báo Có của ngân hàng số tiền của công ty X chuyển qua tài khoản 50.000.000 đồng về việc ký quỹ dài hạn để thuê căn nhà của doanh nghiệp.

8. Nhận được giấy báo Nợ của ngân hàng về việc trả lại vốn góp liên doanh cho bên góp vốn 500.000.000 đồng

9. Doanh nghiệp chi tiền mặt trả tiền điện, tiền nước, tiền điện thoại, … cho phân xưởng sản xuất tổng cộng là 11.000.000 đồng, gồm 10% thuế GTGT.

10. Nhận lại tiền ký quỹ ngắn hạn bằng tiền mặt là 10.000.000 đồng.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế trên.

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

Câu 02: Có tình hình về vật liệu ở 1 DN trong tháng 09/2009 như sau: (Đơn vị áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên):

*** Vật liệu tồn kho đầu tháng 09/2009:** 20 tấn vật liệu chính A, giá thực tế 1tấn là: 2.000.000 đồng.

*** Tình hình nhập xuất vật liệu trong tháng 09/2009 như sau:**

1. Phiếu nhập kho số 01 Ngày 5/09 nhập kho 50 tấn VLC A mua của công ty X chưa trả tiền, giá 1tấn chưa có thuế là 2.200.000 đồng, thuế VAT được khấu trừ 10%. Chi phí vận chuyển đã thanh toán bằng tiền mặt là 5.000.000 đồng, thuế VAT 5%.

2. Phiếu nhập kho số 02 Ngày 10/09 nhập kho 40 tấn VLC A mua của cửa hàng K thanh toán bằng TGNH, số tiền theo hóa đơn chưa có thuế là 80.000.000 đồng, thuế VAT được khấu trừ là 10%. Chi phí vận chuyển đã trả bằng tiền mặt là: 8.000.000 đồng, thuế VAT 5%.

3. Phiếu xuất kho số 05 Ngày 12/09 xuất 60 tấn VLC A dùng để sản xuất sản phẩm.

4. Phiếu nhập kho số 03 Ngày 15/09 nhập kho 30 tấn VLC A mua của công ty X thanh toán bằng tiền mặt : 75.000.000 đồng

5. Phiếu nhập kho số 04 Ngày 20/09 nhập kho 40 tấn VLC A mua của cửa hàng K chưa trả tiền, tổng số tiền theo hóa đơn phải thanh toán là 92.400.000 đồng, trong đó thuế VAT được khấu trừ 10%, Chi phí vận chuyển phải trả cho xí nghiệp vận tải ô tô số 2 giá chưa thuế là: 8.000.000 đồng, thuế VAT được khấu trừ 10%.

6. Phiếu xuất kho số 06 Ngày 22/09 xuất 90 tấn VLC A dùng cho sản xuất sản phẩm.

7. Ngày 25/09 DN chuyển khoản trả hết số tiền còn nợ cho công ty X.

8. Ngày 30/09 Kiểm kê quỹ tiền mặt phát hiện thừa 2.000.000 đồng chưa rõ nguyên nhân.

Yêu cầu: Định khoản và xác định giá thực tế vật liệu chính xuất kho và tồn kho theo phương pháp bình quân một lần vào cuối kỳ.

Câu 03:

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

Tại một DN SX-KD Triều Vỹ có các tài liệu liên quan hoạt động của DN kế toán tập hợp như sau:

1. Doanh nghiệp thanh toán nợ cho người bán Y bằng chuyển khoản với số tiền 90.000.000 đồng.

2. Các chi phí phát sinh thanh toán bằng tiền mặt theo hóa đơn gồm 10% thuế GTGT là 17.600.000 đồng, phân bổ cho bộ phận bán hàng 10.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp 6.000.000 đồng.

3. Kiểm kê quỹ tiền mặt cuối kỳ phát hiện thiếu 4.000.000 đồng,

4. Hội đồng kỷ luật họp quyết định xử lý số tài sản thiếu ở trên như sau: Thủ quỹ phải bồi thường 50%, trừ dần vào lương bắt đầu từ tháng sau. Số còn lại doanh nghiệp chịu và tính vào chi phí khác của doanh nghiệp.

5. Doanh nghiệp chi góp vốn liên doanh dài hạn bằng TGNH với công ty K (tại ngân hàng KCN Phú Bài, số tài khoản 710A03432) 200.000.000 đồng. (UNC số 12)

6. Bán một lô hàng 5.000 sp, giá chưa có thuế GTGT là 10.000 đồng/sp, thuế GTGT 10%, khách hàng đã chuyển khoản nhưng DN chưa nhận được giấy báo Có của ngân hàng.

7. Một tuần sau DN nhận được giấy báo Có của ngân hàng về số tiền DN bán lô hàng ở nghiệp vụ số 6.

8. Nhận khoản tiền mặt của đơn vị khác ký quỹ ngắn hạn là: 10.000.000 đồng.

9. Thu tiền bán sản phẩm thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Theo hóa đơn GTGT, ghi: Giá bán chưa có thuế: 200.000.000 đồng, thuế GTGT 20.000.000 đồng. Tổng tiền thanh toán là 220.000.000 đồng. Người mua thanh toán bằng tiền mặt.

10. Thu hồi vốn đầu tư ngắn hạn bằng tiền mặt, số tiền 34.000.000 đồng, trong đó, lãi thu được là 4.000.000 đồng, giá vốn là 30.000.000 đồng. Thu hồi tiền ký quỹ, ký cược ngắn hạn bằng tiền mặt, số tiền 14.000.000 đồng.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế trên.

Câu 04:

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

Tại một doanh nghiệp có tình hình như sau:

- **Tài khoản nguyên vật liệu vào đầu kỳ:**

  + Nguyên vật liệu chính (A): 4.000 kg * 1.500 đồng = 6.000.000 đồng.

  + Nguyên vật liệu chính (B): 12.000 kg * 2.500 đồng = 30.000.000 đồng.

  + Vật liệu phụ (C): 1.000 kg * 1.000 đồng = 1.000.000 đồng.

  + Nhiên liệu (D): 500 kg * 2.000 đồng = 1.000.000 đồng.

Trong kỳ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

1. Doanh nghiệp mua một số NVL chính (A): 8.000 kg, giá chưa thuế là 1.200 đồng/kg, thuế GTGT 10%, chưa trả cho người bán K. Các chi phí vận chuyển bốc dỡ 200 đ/kg, thanh toán bằng tiền mặt cho bên cung cấp.

2. Doanh nghiệp mua một số vật liệu phụ (C) 1.000 kg, giá 1050 đ/kg, trong đó thuế GTGT 5%. Chi phí phát sinh trước khi nhập kho là 50 đ/kg, tất cả trả bằng tiền mặt.

3. Doanh nghiệp mua một số nhiên liệu (D) 500 kg, giá 1.900 đ/kg, thuế GTGT 10%, trả bằng TGNH. Chi phí vận chuyển bốc dỡ là 150 đ/kg trả bằng tiền mặt, chiết khấu thương mại mà DN được hưởng là 50 đ/kg nhận bằng TGNH.

4. DN xuất NVL chính (A) cho sản xuất sản phẩm 7.000 kg, trong đó trực tiếp sản xuất sản phẩm là 6.000 kg, còn lại 1.000 kg sử dụng ở bộ phận quản lý phân xưởng.

5. DN xuất NVL chính (B) cho sản xuất sản phẩm 6.000 kg, trong đó trực tiếp sản xuất sản phẩm là 5.000 kg, 500 kg sử dụng ở phân xưởng sản xuất, 300 kg sử dụng ở bộ phận bán hàng và 200 kg dùng ở bộ phận quản lý DN.

6. Doanh nghiệp xuất vật liệu phụ (C) cho sản xuất sản phẩm 1.200 kg, trong đó trực tiếp sản xuất sản phẩm là 1.000 kg, phân xưởng sản xuất 200 kg.

7. Doanh nghiệp xuất nhiên liệu (D) cho sản xuất sản phẩm 400 kg, cho quản lý doanh nghiệp là 200 kg.

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

8. Nhập khẩu vật liệu phụ (D) về để sản xuất sản phẩm, chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Trị giá vật liệu nhập khẩu 180.000.000 đồng, thuế suất thuế nhập khẩu 5%, thuế suất thuế GTGT 10%, chưa thanh toán tiền cho nhà cung cấp.

Yêu cầu: Hãy định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Biết rằng doanh nghiệp áp dụng phương pháp xuất kho theo phương pháp FIFO.

Câu 05: Bài 01 (8 điểm): Trong tháng 4/2010 có tài liệu về tài sản cố định của DN như sau:

1/ Ngày 05/4, dùng TGNH thuộc nguồn vốn xây dựng cơ bản mua 1 dây chuyền công nghệ sản xuất của Công ty H theo tổng giá thanh toán gồm cả thuế GTGT 5% là 525.000.000 đ và hiện đang thuê Công ty Y tiến hành lắp đặt.

2/ Ngày 07/4, Công ty Y (ở nghiệp vụ 1) tiến hành bàn giao dây chuyền công nghệ đã lắp đặt xong đưa vào sử dụng Chi phí lắp đặt theo giá chưa có thuế 14.800.000 đ, thuế GTGT 5%. DN đã dùng tiền mặt thuộc quỹ đầu tư phát triển để thanh toán cho Công ty Y.

3/ Ngày 10/4, DN đưa một TSCĐ vào tham gia liên doanh với Công ty K. TSCĐ này có nguyên giá 15.000.000 đ đã khấu hao 3.000.000 đồng. Giá thỏa thuận trong hợp đồng tham gia liên doanh để quy số tiền góp vốn với Cty K là 11.000.000 đ.

4/ Ngày 14/4 góp vốn liên doanh dài hạn với Công ty M một TSCĐ hữu hình của phân xưởng sản xuất. Nguyên giá 249.600.000 đ đã khấu hao 90.000.000 đ, tỷ lệ khấu hao 12% năm. Hội đồng liên doanh thống nhất xác định giá trị vốn góp của tài sản cố định này là 150.000.000 đ.

5/ Ngày 19/4 mua sắm và đem vào sử dụng 1 máy phát điện ở phân xưởng sản xuất. Giá mua chưa có thuế 417.600.000 đ, thuế GTGT 5%. Tiền hàng đã thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng. Được biết TSCĐ này đã qua sử dụng, giá trị TSCĐ mới tương đương là 522.000.000 đ, thời gian sử dụng theo quy định là 5 năm. Tài sản này đầu tư bằng nguồn vốn xây dựng cơ bản.

6/ Ngày 21/4 nhượng bán 1 thiết bị ở văn phòng quản lý DN, nguyên giá 96.000.000 đ, đã khấu hao tới ngày nhượng bán 40.000.000 đ, tỷ lệ khấu hao bình quân năm 12%. Giá bán gồm cả thuế GTGT 5% của thiết bị là 63.000.000 đ, người mua đã thanh toán qua NH.

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

7/ Ngày 25/4 nhận lại vốn góp liên doanh dài hạn từ Công ty D một thiết bị ở văn phòng quản lý theo giá 21.000.000 đ. Được biết tổng số vốn góp với Công ty D là 30.000.000 đ. Phần vốn góp còn lại Công ty D đã thanh toán qua ngân hàng. Thiết bị này có tỷ lệ khấu hao bình quân năm là 12%.

8/ Ngày 26/4 người nhận thầu (Công ty Q) bàn giao đưa vào sử dụng 1 dãy nhà làm văn phòng quản lý của DN, thời gian sử dụng theo quy định là 20 năm. Tổng số tiền phải trả cho Công ty Q gồm cả thuế GTGT 5% là 378.000.000 đ. Tài sản cố định này đầu tư bằng vốn xây dựng cơ bản. DN đã thanh toán hết cho Công ty Q bằng TGNH.

9/ Ngày 25/4 thanh lý 1 khu xưởng sản xuất, nguyên giá 270.000.000 đ, giá trị hao mòn luỹ kế tính đến ngày 31/01/N là 270.000.000 đ, tỷ lệ khấu hao bình quân năm 10%. Chi phí thanh lý chi bằng tiền mặt gồm cả thuế GTGT 10% là 5.500.000 đ. Phế liệu thu hồi từ thanh lý bán thu tiền mặt 7.000.000 đ.

10/ Tiến hành sửa chữa nâng cấp văn phòng quản lý Công ty bằng nguồn vốn đầu tư XDCB và đã hoàn thành trong tháng. Chi phí sửa chữa bao gồm :

- Phụ tùng thay thế : 16.000.000 đ

- Vật liệu XDCB : 100.000.000 đ

- Tiền lương CN sửa chữa : 16.000.000 đ

- Trích theo lương :

- Chi phí khác đã trả bằng tiền mặt gồm cả thuế GTGT 10% là 6.600.000 đ

***Yêu cầu*:**

1. Lập định khoản các nghiệp vụ phát sinh nói trên.

Câu 06:

Tại DN SX-TM Quang Anh, áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên, có các số liệu liên quan đến tình hình nhập-xuất-tồn NVL trong tháng 06/2009 như sau:

1. Tồn đầu kỳ: 2.000 kg, đơn giá 20.000 đ/kg, gồm 02 hóa đơn: Hóa đơn 01: 1.500 kg, đơn giá 20.000 đ/kg, hóa đơn 02: 500 kg, đơn giá 20.000 đ/kg.

2. Nhập kho trong tháng 06:

Tài liệu chỉ xem được một số trang đầu. Vui lòng download file gốc để xem toàn bộ các trang

- Ngày 07/06: Nhập kho 8.000 kg, đơn giá 21.000 đ/kg. Gồm hai hóa đơn: Hóa đơn 01: 7.500 kg, đơn giá 21.000 đ/kg, hóa đơn 02: 500 kg, đơn giá 21.000 đ/kg.

- Ngày 18/06: Nhập kho 12.000 kg, đơn giá 22.000 đ/kg. Gồm hai hóa đơn: Hóa đơn 01: 10.000 kg, đơn giá 22.000 đ/kg, hóa đơn 02: 2.000 kg, đơn giá 22.000 đ/kg.

- Ngày 25/06: Nhập kho theo hóa đơn là 11.000 kg, đơn giá 25.000 đ/kg.

3. Xuất kho trong tháng:

- Ngày 12/06: 9.000 kg

- Ngày 28/06: 10.000 kg

Yêu cầu: Hãy xác định giá vật liệu xuất kho trong kỳ và tồn kho cuối kỳ theo hai phương pháp bình quân mỗi lần xuất và bình quân một lần vào cuối kỳ.

Câu 07: Tại một DN SX-KD Triều Vỹ có các tài liệu liên quan hoạt động của DN kế toán tập hợp như sau:

1. Doanh nghiệp thanh toán nợ cho người bán Y bằng chuyển khoản với số tiền 90.000.000 đồng.

2. Các chi phí phát sinh thanh toán bằng tiền mặt theo hóa đơn gồm 10% thuế GTGT là 17.6000.000 đồng, phân bổ cho bộ phận bán hàng 10.000.000 đồng, bộ phận quản lý doanh nghiệp 6.000.000 đồng.

3. Kiểm kê quỹ tiền mặt cuối kỳ phát hiện thiếu 4.000.000 đồng,

4. Hội đồng kỷ luật họp quyết định xử lý số tài sản thiếu ở trên như sau: Thủ quỹ phải bồi thường 50%, trừ dần vào lương bắt đầu từ tháng sau. Số còn lại doanh nghiệp chịu và tính vào chi phí khác của doanh nghiệp.

5. Doanh nghiệp chi góp vốn liên doanh dài hạn bằng TGNH với công ty K (tại ngân hàng KCN Phú Bài, số tài khoản 710A03432) 200.000.000 đồng. (UNC số 12)